

10. Ramachandran A and et al (2012), *Trends in Prevalence of diabetes in Asian countries*, *World journal of diabetes*, 396), 110.

11. Lưu Thị Hạnh (2015), *Thực trạng tuân thủ điều trị của người bệnh đái tháo đường tại khoa nội 2 Bệnh viện Xanh Pôn*, Đề tài tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng, Khoa Học Sức Khỏe, Đại Học Thăng Long, Hà Nội.

12. Nguyễn Thị Hoàng Vân (2014), *Khảo sát khả năng tự tiêm Insulin ở người bệnh ĐTĐ type 2 điều trị ngoại trú*, Kỷ yếu hội nghị khoa học BV tim mạch An Giang.

13. Nguyễn Thị Thoa (2019), *Thực trạng kiến thức và thực hành tự tiêm Insulin của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện 19-8- Bộ công an năm 2019*.

14. M. Patil and et al (2016), *Assessment of Insulin injection techniques among diabetes patients in a tertiary care centre*, *Diabetes & Metabolic Syndrome: Clinical Research & Reviews*.

15. Bùi Thị Hoài Thu (2016), *Kiến thức, thực hành về sử dụng Insulin của bệnh nhân đái tháo đường tại khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Nội tiết Trung ương*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Thăng Long.

16. Bhosale A and et al (2018), *A study to assess the knowledge and practice of self-administration of Insulin in a view to develop self-instructional module [SIM] among patients with diabetes mellitus in selected hospitals of Pune city*, *IJAR*, 4(5),pp. 395-398.

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ CỦA CÁC THAI PHỤ ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2020

Bùi Thị Huệ^{1a}, Nguyễn Thị Thanh Huyền¹, Vũ Thị Minh Phượng¹

Nguyễn Thị Nhật Lệ^{1a}, Đỗ Thu Tinh¹

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của các thai phụ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện từ tháng 12/2019 - 06/2020 trên 153 thai phụ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định. Các đối tượng được

phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu khảo sát thiết kế sẵn về các nội dung liên quan đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ và cho bú ngay sau sinh. **Kết quả:** Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đạt về nuôi con bằng sữa mẹ là 10,5%, chưa đạt là 89,5%. Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm NCBSM là 78,4%, tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm sữa non là 66,7%, tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về thời gian cho con bú mẹ ngay sau sinh (30 phút - 1 giờ) là 58,2% và tỷ lệ thai phụ có kiến thức chưa đúng về dấu hiệu trẻ bú có hiệu quả là 45,8%. **Kết luận:** Kiến thức cho con bú ngay sau sinh của các thai phụ là chưa tốt.

Từ khóa: Kiến thức, nuôi con bằng sữa mẹ, Bệnh viện Phụ sản Nam Định.

Người chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Thanh Huyền
Email: huyennguyenthanh86@yahoo.com.vn
Ngày phản biện: 25/9/2020
Ngày duyệt bài: 05/10/2020
Ngày xuất bản: 05/11/2020

THE SITUATION OF BREAST-FEEDING KNOWLEDGE OF PREGNANT WOMEN EXAMINED AT NAM DINH HOSPITAL OF OBSTETRICS AND GYNECOLOGY IN 2020

ABSTRACT

Objective: This research is done in order to describe the situation of breastfeeding knowledge of pregnant women examined at Nam Dinh Hospital of Obstetrics and Gynecology in 2020. **Method:** Cross-sectional descriptive study conducted from December 2019 to June 2020 on 153 pregnant women examined at Nam Dinh Hospital of Obstetrics and Gynecology. Those were interviewed directly by pre-designed survey questionnaire about knowledge of breast-feeding and breastfeeding right after birth. **Results:** The percentage of pregnant women who meet the standard is 10.5%, and the rate of pregnant women who fail to meet the

standard is 89.5%. The percentage of pregnant women with the right knowledge of breast-feeding is 78.4%, the rate of women with correct knowledge of colostrum concept was 66.7%, the rate of women with correct knowledge of timing on right after birth-giving breastfeeding is 58.2%. The rate of pregnant women with incorrect knowledge about effective breastfeeding signals was 45.8%. **Conclusion:** The knowledge of pregnant women to breastfeed immediately after birth is not good.

Keywords: Knowledge, breastfeeding right after birth-giving, Nam Dinh Hospital of Obstetrics and Gynecology.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh là một vấn đề đang nhận được quan tâm của nhiều quốc gia trên Thế giới, đặc biệt là các nước nghèo, đang phát triển. Nuôi con bằng sữa mẹ là cách tốt nhất và an toàn nhất để nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) không những tốt cho trẻ em mà còn mang lại nhiều lợi ích cho cả bà mẹ, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, nhiều tổ chức đã khuyến cáo nên cho trẻ bú sớm ngay sau khi sinh, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và nuôi con bằng sữa mẹ kéo dài đến khi trẻ được 2 tuổi hoặc lâu hơn [1].

Sữa non được tạo ra từ những tháng cuối của thai kỳ và được tiết ra ngay sau khi sinh từ 48 – 72 giờ. Sữa non có màu vàng nhạt, sánh đặc và giàu chất dinh dưỡng do đó cần cho trẻ bú sớm ngay sau khi sinh và tốt nhất trong vòng 30 phút đến 1 giờ đầu sau sinh. Điều này sẽ đem lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của trẻ. Trẻ bú sớm sẽ nhận được sữa non, thức ăn phù hợp với hệ tiêu hóa còn non yếu của trẻ. Trong sữa

non ngoài chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ còn chứa các kháng thể (IgA tiết) chống lại nhiễm khuẩn và các tác nhân gây bệnh. Trẻ bú sớm có tác dụng giúp mẹ co hồi tử cung nhanh, tránh băng huyết sau đẻ. Một nghiên cứu được thực hiện ở Ai Cập cho thấy, 83,7% người tham gia biết rằng sữa non làm tăng khả năng miễn dịch của em bé và 30,2% bà mẹ cho biết đây là lần bảo vệ đầu tiên chống lại nhiễm trùng [2]. Nghiên cứu khác ở Nepal về tầm quan trọng của sữa non đối với sức khỏe của trẻ em, có 41% phụ nữ tin rằng sữa non giúp cho sự phát triển đúng đắn của trẻ và chống lại nhiễm trùng, 27% cho rằng sữa non giúp tăng cường sức khỏe nhưng không biết vai trò chính xác trong khi 31% phụ nữ không biết gì về sữa non và 1% phụ nữ nghĩ rằng sữa non có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của trẻ [2].

Theo thống kê của WHO, tỷ lệ cho con bú ngay sau khi sinh cao nhất ở Đông và Nam Phi (65%) và thấp nhất ở Đông Á và Thái Bình Dương (32%). Cứ 10 em bé sinh

ra ở Burundi, Lanka và Vanuatu thì có gần 9 em được bú sữa mẹ ngay sau khi sinh. Năm 2006, tỷ lệ cho con bú sữa mẹ ngay sau khi sinh ở một số nước vẫn còn thấp cụ thể Ghana (41%), Sudan (54,2%), Zambia; (70%), Jordan (49,5%), Bắc Jordan (86,6%), Nepal (72,2%), Bolivia; (74%), Ethiopia (52%) [3].

Trong báo cáo của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Việt Nam có tỷ lệ trẻ được nuôi con bằng sữa mẹ sau khi sinh giảm nhiều nhất trong giai đoạn năm 2005 - 2013. Tỷ lệ trẻ được bú mẹ ngay sau khi sinh giảm từ 44% xuống còn 27% trong năm 2013 [4]. Bộ Y tế cũng chỉ ra, có 58% các bà mẹ cho con bú trong giờ đầu sau sinh và 88% bắt đầu cho con bú trong vòng 24 giờ đầu. Trên toàn quốc, có 17% trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ [5].

Tại Bệnh viện Phụ sản Nam Định chỉ tính riêng trong 3 tháng đầu năm 2018, tại khoa đỡ đẻ của bệnh viện đã tiếp nhận 3137 ca [6]. Hiện nay không ít nghiên cứu về kiến thức của bà mẹ về nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên vẫn còn khoảng trống kiến thức của các bà mẹ có con lần đầu. Từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Thực trạng kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của các thai phụ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định năm 2020”* với mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của các thai phụ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định năm 2020.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC)

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Các thai phụ có con lần đầu đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định; đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Các thai phụ không thể tiếp nhận và trả lời được các câu hỏi.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 12/2019 - tháng 06/2020 tại bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định

2.3. Thiết kế nghiên cứu

- Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện.

- **Cỡ mẫu:** Thu thập từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020 có 153 thai phụ đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

2.5. Công cụ và phương pháp thu thập thông tin

- Phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên nghiên cứu của Mai Anh Đào theo tài liệu nuôi dưỡng trẻ nhỏ của Bộ Y tế [3].

- Phiếu khảo sát gồm 3 phần: Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu từ câu A1 – A7. Phần 2: kiến thức về việc cho con bú ngay sau khi sinh: từ câu B1 – B13 và Phần 3 là các yếu tố liên quan đến thái độ cho con bú ngay sau sinh từ câu D1 – D7.

- Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp để thu thập thông tin cần thiết.

2.6. Tiêu chí đánh giá trong nghiên cứu

- Kiến thức về việc cho trẻ bú sớm ngay sau sinh: Thai phụ tham gia trả lời phỏng vấn với mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, trả lời không đúng hoặc không biết được 0 điểm. Thai phụ trả lời đúng $\geq 75\%$ (20 – 26 điểm) là kiến thức đạt và $< 75\%$ (< 20 điểm) là kiến thức chưa đạt.

2.7. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu

- Số liệu sau khi được làm sạch, nhập và phân tích trên phần mềm SPSS 16.0

- Tính các giá trị phần trăm, bảng để mô tả các số liệu theo mục tiêu nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

Kiến thức của thai phụ về nuôi con bằng sữa mẹ

Bảng 1. Kiến thức đúng về khái niệm và lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ của thai phụ

Nội dung	SL	TL %
Khái niệm nuôi con bằng sữa mẹ		
Bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	120	78,4
Lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ		
Giúp trẻ tăng trưởng, phát triển hài hòa và phòng chống suy dinh dưỡng	130	85,0
Bảo vệ trẻ chống nhiễm khuẩn	78	51,0
Cải thiện tâm lý cho bà mẹ và trẻ	47	30,7
Chi phí ít hơn so với nuôi nhân tạo	74	48,4
Góp phần bảo vệ sức khỏe cho trẻ trong suốt quá trình trưởng thành	73	47,7
Góp phần bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ	41	26,8

Nhận xét: Kết quả bảng trên cho thấy: đa số các thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 78,4% và các thai phụ có kiến thức chưa đúng chiếm 21,6%.

Một số lợi ích về nuôi con bằng sữa mẹ mà thai phụ biết nhiều là “giúp trẻ tăng trưởng, phát triển hài hòa và phòng chống suy dinh dưỡng” chiếm 85,0%, “bảo vệ trẻ chống nhiễm khuẩn” chiếm 51,0%. Tuy nhiên, một số lợi ích khác thai phụ lại không biết nhiều, cụ thể “cải thiện tâm lý cho bà mẹ và trẻ” chiếm 30,7% và “góp phần bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ” chiếm 26,8%.

Bảng 2. Kiến thức đúng về thời gian bú mẹ ngay sau sinh, khái niệm sữa non và lợi ích sữa non của thai phụ

Nội dung	SL	TL %
Thời gian cho trẻ bú mẹ ngay sau khi sinh		
Trong vòng 1 giờ	89	58,2
Khái niệm sữa non		
Sữa non được tiết ra trong 3 ngày đầu sau sinh, sữa sánh đặc và có màu vàng nhạt	102	66,7
Lợi ích sữa non		
Phòng chống dị ứng và nhiễm khuẩn	109	71,2
Đào thải phân su và giảm tình trạng vàng da sinh lý ở trẻ	80	52,3
Phòng bệnh khô mắt do thiếu vitamin A	60	39,2

Nhận xét: Qua bảng 2 cho thấy: Thai phụ có kiến thức đúng về thời gian cho trẻ bú mẹ ngay sau sinh là trong vòng 1 giờ đầu chiếm tỷ lệ 58,2%, kiến thức chưa đúng chiếm tỷ lệ tương đối cao 41,8%. Về khái niệm sữa non, tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng là 66,7% và kiến thức chưa đúng là 33,3%. Kiến thức đúng về lợi ích của sữa non đối với sự phát triển của trẻ tương đối tốt: phòng chống dị ứng và nhiễm khuẩn chiếm 71,2%, đào thải phân su và giảm tình trạng vàng da sinh lý ở trẻ chiếm 52,3%, tuy nhiên, lợi ích “phòng bệnh khô mắt do thiếu vitamin A” chỉ có 39,2% thai phụ biết.

Bảng 3. Kiến thức đúng về lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh và yếu tố ảnh hưởng đến số lượng, khả năng tiết sữa của thai phụ

Nội dung	SL	TL %
Lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh		
Giúp co hồi tử cung tốt và tránh băng huyết sau đẻ	98	64,1
Kích thích sữa mẹ và tăng cường sản xuất sữa	107	69,9
Giúp bà mẹ phòng tránh thai và phòng ung thư vú ở mẹ	56	36,6
Yếu tố ảnh hưởng đến số lượng, khả năng tiết sữa		
Cho trẻ bú kiệt sữa hoặc vắt hết sữa khi trẻ bú xong	54	35,3

Nhận xét: Phỏng vấn về lợi ích của cho bú ngay sau sinh, tỷ các thai phụ có kiến thức đúng tương đối cao, cụ thể “giúp co hồi tử cung tốt và tránh băng huyết sau đẻ” chiếm 64,1%, “kích thích sữa mẹ và tăng cường sản xuất sữa” chiếm 69,9%. Trong khi đó, lợi ích “giúp mẹ phòng tránh thai và phòng ung thư vú ở mẹ” chỉ có 36,6%.

Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và khả năng tiết sữa của mẹ không cao, chiếm 35,3%.

Bảng 4. Kiến thức đúng về những yếu tố hỗ trợ khả năng tiết sữa của các thai phụ

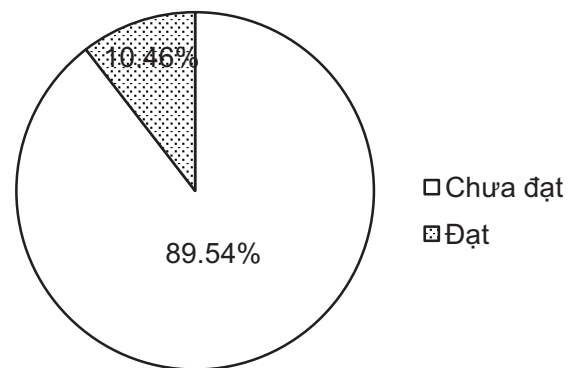
Nội dung	SL	TL %
Ăn uống và lao động hợp lý	130	85,0
Tinh thần thoải mái	105	68,6
Sinh đẻ có kế hoạch	43	28,1
Không sử dụng thuốc khi cho con bú	40	26,1
Đảm bảo hết kiệt sữa sau mỗi lần bú	53	34,6

Nhận xét: Kết quả thu được cho thấy, thai phụ có kiến thức đúng về những yếu tố hỗ trợ khả năng tiết sữa của bà mẹ đa phần là yếu tố “Ăn uống và lao động hợp lý” và “Tinh thần thoải mái” chiếm tỷ lệ lần lượt là 85,0% và 68,6%, những yếu tố như: sinh đẻ có kế hoạch, không sử dụng thuốc khi cho con bú, đảm bảo hết kiệt sữa sau mỗi lần bú chiếm tỷ lệ thấp với tỷ lệ lần lượt là 28,1%, 26,1%, 34,6%.

Bảng 5. Kiến thức đúng về dấu hiệu trẻ đòi ăn, dấu hiệu cho trẻ bú có hiệu quả, cách ngậm bắt vú và số lần cho trẻ bú trong một ngày của thai phụ

Nội dung	SL	TL %
Dấu hiệu trẻ đòi ăn	77	50,3
Dấu hiệu trẻ bú có hiệu quả	83	54,2
Cách ngậm bắt vú	89	58,2
Số lần cho trẻ bú trong ngày	117	76,5

Nhận xét: Kiến thức đúng của thai phụ về dấu hiệu trẻ đòi ăn, dấu hiệu cho trẻ bú có hiệu quả và cách ngậm bắt vú đúng ở trẻ tương đối thấp, chiếm tỷ lệ lần lượt là 50,3%, 54,2%, 58,2%. Các thai phụ có kiến thức đúng về số lần cho trẻ bú trong một ngày là bú theo nhu cầu cả ngày và đêm chiếm tỷ lệ 76,5 % và 23,5% các thai phụ có kiến thức chưa đúng



Biểu đồ 1. Kiến thức chung nuôi con bằng sữa mẹ của thai phụ

Nhận xét: Biểu đồ 1 cho thấy, có 10,5% thai phụ tham gia nghiên cứu có kiến thức chung đạt về nuôi con bằng sữa mẹ, kiến thức chung không đạt chiếm tỷ lệ cao 89,5% thai phụ tham gia nghiên cứu.

4. BÀN LUẬN

Sữa mẹ là nguồn thức ăn lý tưởng cho trẻ trong 6 tháng đầu đời. Nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu được định nghĩa là chỉ cho trẻ bú mẹ mà không cho ăn, uống bất cứ thức ăn, đồ uống nào khác kể cả nước trừ các trường hợp có chỉ định của bác sĩ phải uống bổ sung các vitamin, khoáng chất hoặc thuốc. Theo khuyến cáo của UNICEF và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), các bà mẹ nên cho con bú hoàn toàn sữa mẹ trong 6 tháng, sau đó trẻ tiếp tục được nuôi bằng sữa mẹ ít nhất trong hai năm đầu, kết hợp với việc cho trẻ ăn bổ sung để cung cấp cho trẻ một chế độ ăn đầy đủ cho sức khỏe. WHO, UNICEF đã khẳng định là sữa mẹ không chỉ có lợi ích đối với sức khỏe của trẻ nhỏ mà còn đối với bà mẹ. NCBSM là một biện pháp tự nhiên, khoa học, kinh tế và hiệu quả đối với sức khỏe của cả mẹ và bé. Kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 1 cho thấy, tỷ lệ các thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm nuôi con bằng sữa mẹ là cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu chiếm 78,4%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Phạm Văn Tùng (2017) tại Nam Định là 77,1% [7], nghiên cứu của Đặng Cẩm Tú (2018) tại 3 tỉnh Hà Nam, Quảng Bình, Lào Cai là 74% [8] và nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Anh và Nguyễn Hoàng Lan tại Hội An là 76,7% [9].

Nuôi con bằng sữa mẹ là cách tốt nhất để cung cấp thức ăn lý tưởng cho sự tăng trưởng và phát triển khỏe mạnh của trẻ sơ sinh và các ưu điểm của nó bao gồm từ sinh lý đến tâm lý cho cả mẹ và trẻ. NCBSM không những mang lại nhiều lợi ích cho trẻ mà còn đem lại nhiều lợi ích cho cả bà mẹ, gia đình và cộng đồng. Kết quả nghiên cứu ở bảng 1 cho thấy, kiến thức đúng của các thai phụ về những lợi ích của NCBSM khá cao, cụ thể, có đến 85,0% thai phụ biết

đến lợi ích của NCBSM là “Giúp trẻ tăng trưởng, phát triển hài hòa và phòng chống suy dinh dưỡng” tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Phạm Văn Tùng (2017) là 99% [7]. Có 51,0% thai phụ biết đến lợi ích “Bảo vệ trẻ chống nhiễm khuẩn”. 30,7% biết đến lợi ích “Cải thiện tâm lý cho bà mẹ và trẻ” Tỷ lệ thai phụ biết đến lợi ích “Chi phí ít hơn so với nuôi nhân tạo” là 48,4. Có 47,7% thai phụ biết lợi ích “Góp phần bảo vệ sức khỏe cho trẻ trong suốt quá trình trưởng thành”, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Đặng Cẩm Tú (2018) là 36,5% [8]. Sự khác biệt này có thể do có sự khác nhau về đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

Sữa non là sữa có màu vàng, sánh được tạo vào cuối thai kỳ, là thực phẩm hoàn hảo nhất cho trẻ sau sinh. Việc bắt đầu cho trẻ bú mẹ sớm trong 1 giờ đầu có thể giúp ngăn chặn tình trạng tử vong sơ sinh do nhiễm trùng máu, viêm phổi và tiêu chảy. Cũng có thể ngăn chặn các trường hợp tử vong do hạ thân nhiệt, đặc biệt ở trẻ sơ sinh đẻ non và nhẹ cân. Tuy nhiên, tỷ lệ bà mẹ cho con bú trong vòng một giờ đầu sau khi sinh nói chung vẫn chưa cao. Với kết quả bảng 2 cho thấy, tỷ lệ các thai phụ có kiến thức đúng về thời gian cho trẻ bú trong vòng 1 giờ đầu sau sinh là 58,2% Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Lâm và Trịnh Bảo Ngọc (2013) tại Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên, tỷ lệ này là 56,5% [11], nghiên cứu ở Tây Nam Nigeria, kết quả cho thấy chỉ 56.5% số người cho con bú ngay sau sinh [12]. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Lưu Ngọc Hoạt và cộng sự ở Hà Nội năm 2010 là 30% [13] và thấp hơn số liệu thống kê của Tổng Điều tra Dinh dưỡng 2009 – 2010 do Viện Dinh dưỡng Quốc gia thuộc Bộ Y tế thực hiện với sự giúp đỡ của UNICEF tỷ lệ cho trẻ bú dưới 1 giờ sau sinh là 76,2% [5].

Bú sớm giúp trẻ tập bú mẹ khi vú mẹ còn mềm và giúp co hồi tử cung, làm giảm mất máu sau sinh. Cho trẻ bú sớm ngay sau sinh sẽ tận dụng được tối đa nguồn sữa non. Vì sữa non là loại sữa có màu vàng và sánh đặc rất tốt cho sức khỏe của

trẻ. Sữa non giàu kháng thể, nhiều protein kháng khuẩn, nhiều thể bào bạch cầu hơn sữa trưởng thành, giúp trẻ phòng chống nhiễm khuẩn, dị ứng và nhiều bệnh mà trẻ có thể mắc phải. Kết quả nghiên cứu bảng 2 cho thấy, kiến thức đúng của thai phụ về lợi ích của sữa non đối với sự phát triển của trẻ chưa cao, có 71,2% thai phụ có kiến thức đúng về lợi ích của sữa non đối với “Phòng chống dị ứng và nhiễm khuẩn cho trẻ”, 52,3% kiến thức đúng sữa non đem lại lợi ích “Đào thải phân su và giảm tình trạng vàng da sinh lý của trẻ”, 39,2% bà mẹ kiến thức đúng lợi ích “Phòng bệnh khô mắt do thiếu vitamin A”. Do vậy cần đẩy mạnh công tác giáo dục sức khỏe cho thai phụ biết về lợi ích của sữa non đối với sự phát triển của trẻ.

Cho trẻ bú sớm ngay sau sinh là tạo khởi đầu hoàn hảo nhất cho bà mẹ và trẻ nhỏ trong suốt quá trình nuôi con, không những vậy trẻ bú mẹ ngay sau sinh sẽ tận dụng được tối đa nguồn sữa non. Việc cho trẻ bú sớm ngay sau sinh đem lại nhiều lợi ích cho cả mẹ và bé. Kết quả nghiên cứu ở bảng 3 chỉ ra rằng, 64,1% thai phụ nhận thức đúng về việc cho bú sớm “Giúp co hồi tử cung và tránh băng huyết sau đẻ”, 69,9% cho rằng bú sớm “Kích thích sữa mẹ và tăng cường sản xuất sữa”, 36,6% “Giúp mẹ phòng tránh thai và phòng ung thư vú ở mẹ”, kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Phạm Văn Tùng (2017), tỷ lệ này là 68,6% các bà mẹ tham gia nghiên cứu nhận thức được NCBSM giúp mẹ phòng tránh thai, 81,9% nhận thức NCBSM giảm ung thư vú ở mẹ [7]. Vì vậy, công tác tuyên truyền giáo dục về lợi ích của việc cho trẻ bú sớm sau sinh ở các bệnh viện, phòng khám tư nhân về sản khoa nếu được chú trọng và đẩy mạnh sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao kiến thức của các bà mẹ về NCBSM.

Từ bảng 4 cho thấy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, thai phụ có kiến thức đúng về yếu tố hỗ trợ cho sự tiết sữa giao động từ 26,1% – 85,0%. Đa số thai phụ cho rằng yếu tố “Ăn uống và lao động hợp

lý”, “Tinh thần thoải mái” hỗ trợ cho sự tiết sữa, tỷ lệ này lần lượt là 85,0% và 68,6% đây là một nhận thức chưa đầy đủ vì sự bài tiết sữa ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố. Có 28,1% thai phụ cho rằng “Sinh đẻ có kế hoạch”, 26,1% thai phụ cho rằng “Không sử dụng thuốc khi cho con bú” và 34,6% cho rằng “Đảm bảo hết kiệt sau mỗi lần bú”. Một số nghiên cứu khác chỉ ra rằng yếu tố “Cho trẻ bú cả ngày lẫn đêm” giúp hỗ trợ khả năng tiết sữa, nghiên cứu của Phạm Văn Tùng chỉ ra có 60,0% bà mẹ nhận thức điều này [18], nghiên cứu của Hoàng Thị Vân Lan cũng chỉ ra có 46,7% bà mẹ cho rằng “Cho trẻ bú cả ngày lẫn đêm” [14]. Từ kết quả nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn cán bộ y tế tiếp tục tư vấn cho thai phụ và gia đình biết những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiết sữa nhằm tạo nguồn sữa dồi dào và đảm bảo mẹ có đủ sữa cho con bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

Kết quả bảng 5 cho thấy, tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về dấu hiệu trẻ đòi ăn đạt 50,3%, tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng dấu hiệu trẻ bú có hiệu quả là 54,2%. Cùng với kết quả bảng 5 cho thấy, có 89 thai phụ tham gia nghiên cứu nhận biết đúng dấu hiệu trẻ ngậm bắt vú đúng chiếm 58,2%. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Tôn Thị Anh Tú, Nguyễn Thu Tịnh tại Bệnh viện Nhi Đồng I thành phố Hồ Chí Minh là 72,06% [15]. Nếu mẹ không có kiến thức đúng về kỹ thuật cho trẻ bú sẽ có nhiều hậu quả xảy ra cho cả mẹ và trẻ, ảnh hưởng không nhỏ lên sự phát triển toàn diện của đứa trẻ và tâm lý của bà mẹ. Vì vậy ngoài việc tuyên truyền, giáo dục kiến thức để các bà mẹ có nhận thức đúng về NCBSM, chúng ta cần phải thường xuyên và tăng cường các hoạt động tập huấn, huấn luyện kỹ thuật cho trẻ bú tới các bà mẹ.

Từ bảng 5 cho thấy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, đa số thai phụ có kiến thức đúng về số lần cho trẻ bú trong ngày “Cho trẻ bú theo nhu cầu kể cả ngày và đêm” là 76,5%, kết quả này tương đồng với kết quả của Phạm Văn Tùng (2017) tại Nam Định là 77,1% [7].

Khảo sát kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của 153 thai phụ kết quả cho thấy, tỷ lệ thai phụ có kiến thức chung đạt chiếm tỷ lệ rất thấp 10,5%, tỷ lệ các thai phụ có kiến thức chung chưa đạt chiếm tỷ lệ 89,5% tương ứng với 137 thai phụ. Với kết quả đó, chúng tôi mong muốn công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về việc NCBSM được đẩy mạnh không chỉ ở các bệnh viện, các cán bộ y tế mà công tác truyền thông phải được đẩy mạnh tại các địa phương, trạm y tế xã,... nhằm nâng cao kiến thức cho các thai phụ về việc cho con bú ngay sau sinh và NCBSM.

KẾT LUẬN

Phòng vấn 153 thai phụ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định về kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ, chúng tôi đưa ra kết luận sau:

Kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các thai phụ là chưa tốt

- + Tỷ lệ thai phụ có kiến thức chung chưa đạt là 89,5%
- + Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm nuôi con bằng sữa mẹ là 78,4%.
- + Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về khái niệm sữa non là 66,7%.
- + Tỷ lệ thai phụ có kiến thức đúng về thời gian cho con bú mẹ ngay sau sinh (30 phút - 1 giờ) là 58,2%.
- + Tỷ lệ thai phụ có kiến thức chưa đúng về dấu hiệu trẻ bú có hiệu quả là 45,8%.

Với kết quả nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu đưa ra khuyến nghị sau: Cần thường xuyên tổ chức các buổi truyền thông về kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ và bú sớm ngay sau sinh. Từ đó, góp phần nâng cao tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ và cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Joshi S, Barakoti B, Lamsal S. Colostrum Feeding (2012). Knowledge, Attitude and Practice in Pregnant Women in a Teaching Hospital in Nepal. *WebmedCentral Medical Education* 2012.
2. Kumar D, Goel NK, Mittal PC, Misra

P (2006). Influence of infant-feeding practice on nutritional status of under-five children. *Indian J*, 2006;73:417–22

3. Bộ Y tế (2015). *Tài liệu Nuôi dưỡng trẻ nhỏ 2015*.

4. Ngô Tùng Lâm (2019). *Báo cáo đánh giá công tác chăm sóc sơ sinh sớm thiết yếu của khu vực Tây Thái Bình Dương năm 2016-2017*, Viện Y học Biển Việt Nam, Khoa Sản Nhi.

5. Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế (2012). *Báo cáo tóm tắt tổng điều tra dinh dưỡng 2009-2010*

6. Đỗ Thị Ngọc Lan (2018). *Khảo sát kiến thức về việc nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại Bệnh viện Phụ sản Nam Định năm 2018*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định.

7. Phạm Văn Tùng (2017). *Thay đổi nhận thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con từ 0 – 6 tháng tuổi tại thành phố Nam Định năm 2017 sau can thiệp giáo dục*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định.

8. Đặng Cẩm Tú. *Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con 0 - 25 tháng tuổi tại 3 tỉnh Hà Nam, Quảng Bình, Lào Cai và hiệu quả một số biện pháp can thiệp, 2013-2015*, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Y tế công cộng.

9. Nguyễn Thị Ngọc Anh và Nguyễn Hoàng Lan, Nghiên cứu tình hình NCHTBSM trong 6 tháng đầu tại thành phố Hội An, *Tạp chí y dược học*, Trường Đại học Y dược Huế tập 6, số 3- tháng 6/2017

10. Trường Đại Học Y dược Huế. *Tìm hiểu kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các sản phụ tại phòng hậu sản khoa sản Bệnh viện trường Đại học Y dược Huế năm 2013*, Luận văn thạc sỹ.

11. Nguyễn Lân và Trịnh Bảo Ngọc (2013). Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ, thực hành ăn bổ sung, tình hình nuôi dưỡng và bệnh tật của trẻ em từ 5 – 6 tháng tại huyện Phở Yên tỉnh Thái Nguyên năm 2013, *Tạp chí y học thực hành* (886) số 11/2013.

12. Bhatt Shwetal, Parikh Pooja, Kantharia Neha, Dahat Amit, Parmar Rahul. Knowledge, attitude and practice of postnatal mothers for early initiation of breast feeding in the obstetric wards of a tertiary care hospital of Vadodara city.

13. Lưu Ngọc Hoạt, Lê Thị Hương, Lê Thị Thanh Xuân (2010), Kiến thức và thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ Hà Nội năm 2010 - Các rào cản và yếu tố thúc đẩy. *Tạp chí Y học Thực hành* (723), số 6/2010.

14. Hoàng Thị Vân Lan và cộng sự (2013). Đánh giá hiệu quả của việc tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ cho các bà mẹ có con dưới 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định, Đề tài cấp cơ sở, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

15. Tôn Thị Anh Tú, Nguyễn Thu Tịnh. Kiến thức, thái độ, thực hành về NCBSM của các bà mẹ có con dưới 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 từ 1/12/2009 đến 30/4/2010, *Y học thành phố Hồ Chí Minh*, tập 15

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ CHĂM SÓC TRẺ MẮC BỆNH BẠCH CẦU CẤP CỦA NGƯỜI CHĂM SÓC CHÍNH TẠI VIỆN HUYẾT HỌC VÀ TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Đỗ Thị Hòa¹, Phạm Thị Bích Ngọc¹, Vũ Hồng Nhung¹,
Đinh Thị Thu Huyền¹, Phạm Thị Thu Cúc¹
¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức về chăm sóc trẻ mắc bệnh bạch cầu cấp của người chăm sóc chính tại Viện Huyết học truyền máu trung ương. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 182 người chăm sóc chính trẻ mắc bệnh bạch cầu cấp tại Khoa Bệnh máu Trẻ em, Viện Huyết học truyền máu trung ương. **Kết quả:** Tỷ lệ kiến thức đạt của người chăm sóc chính về chăm sóc trẻ mắc bạch cầu cấp là 70,9%. Trong đó, kiến thức chung về bệnh có giá trị trung bình lớn nhất là $11 \pm 3,08$. Phần lớn, người chăm sóc chính biết chế độ ăn của trẻ cần giàu dinh dưỡng và trẻ cần uống nhiều các loại dịch mỗi ngày. Tuy nhiên, còn một số kiến thức về chăm

sóc trẻ còn hạn chế như kiến thức không đúng và không biết về chế độ ăn trước hóa trị liệu tương ứng là: 56% và 23,1%, người chăm sóc không biết đến các dấu hiệu thiếu máu ở trẻ (28,6%), không biết nguyên nhân gây bệnh (44,5%),. Chế độ vận động cho trẻ chưa hợp lý, có 33,5% người chăm sóc chính cho rằng cần hạn chế vận động thể dục nhẹ hàng ngày và 24,7% người chăm sóc vẫn cho trẻ vận động bình thường khi trẻ có xuất huyết và nhiễm trùng nặng. Có mối liên quan giữa trình độ học vấn, giới tính và kiến thức chăm sóc trẻ của người chăm sóc chính, với $p < 0,05$. **Kết luận:** Thực trạng kiến thức về chăm sóc trẻ của người chăm sóc chính trẻ mắc bệnh bạch cầu cấp là khá tốt với tỷ lệ người chăm sóc chính có kiến thức đạt là 70,9%. Tuy nhiên, kiến thức về tuân thủ chế độ ăn trước hóa trị liệu, nhận biết dấu hiệu thiếu máu và vận động hợp lý cho trẻ còn hạn chế.

Từ khóa: Bệnh bạch cầu cấp, kiến thức, người chăm sóc chính.

Người chịu trách nhiệm: Đỗ Thị Hòa
Email: dohoa@ndun.edu.vn
Ngày phản biện: 13/10/2020
Ngày duyệt bài: 25/10/2020
Ngày xuất bản: 05/11/2020